



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thi Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 201. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn;

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2015

Hà Nội, tháng năm 2016



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thị Nhậm - P. Hà Cầu - Q. Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/15	01/01/15
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.057.089.147.121	1.252.069.588.300
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		68.016.022.121	21.375.385.987
1. Tiền	111	VI.1	68.016.022.121	21.375.385.987
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	VI.3	1.163.333.285.580	808.792.459.467
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		807.736.149.084	527.469.896.357
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		278.908.730.426	187.979.304.378
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		17.080.000.000	20.638.567.700
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		75.678.627.818	92.157.425.095
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(16.070.221.748)	(19.452.734.063)
8. Tài khoản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	791.104.028.531	411.921.974.018
1. Hàng tồn kho	141		791.104.028.531	411.921.974.018
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.635.810.889	9.979.768.828
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13 (a)	1.264.026.159	932.225.592
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		33.033.753.073	7.775.312.758
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		338.031.657	1.272.230.478
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		939.919.669.968	618.848.033.387
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		264.882.437.018	190.264.482.802
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thi Nhậm - P. Hà Cầu - Q. Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/15	01/01/15
1	2	3	4	5
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		30.511.255.640	30.511.255.640
6. Phải thu dài hạn khác	216		234.371.181.378	159.753.227.162
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		78.660.432.869	38.600.931.258
1. Tài sản cố định hữu hình	221		78.573.897.028	38.590.015.935
- Nguyên giá	222		94.402.001.997	52.223.447.853
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15.828.104.969)	(13.633.431.918)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		86.535.841	10.915.323
- Nguyên giá	228		170.500.000	61.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(83.964.159)	(50.584.677)
III. Bất động sản đầu tư	230		66.123.462.321	51.499.104.609
- Nguyên giá	231		72.346.783.506	56.380.633.994
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(6.223.321.185)	(4.881.529.385)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		46.253.848.708	44.628.809.481
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		35.223.538.638	39.063.933.137
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		11.030.310.070	5.564.876.344
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		479.426.138.190	289.091.834.250
1. Đầu tư vào công ty con	251		340.841.237.898	253.954.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		94.901.153.927	94.901.153.927
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		109.257.150.000	2.557.150.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(65.573.403.635)	(62.320.469.677)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.573.350.862	4.762.870.987
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.573.350.862	4.762.870.987
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		2.997.008.817.089	1.870.917.621.687



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/15	01/01/15
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.631.315.556.737	1.531.576.472.352
I. Nợ ngắn hạn	310		1.978.623.394.523	1.305.923.781.483
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		655.265.592.760	479.692.146.253
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		54.424.198.720	146.826.368.796
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		3.093.140.074	5.400.660.393
4. Phải trả người lao động	314		13.730.927.127	7.574.985.391
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		72.998.559.544	8.331.959.282
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		32.978.102.960	44.615.315.149
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		1.143.993.137.459	612.926.337.145
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.139.735.879	556.009.074
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		652.692.162.214	225.652.690.869
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		57.614.441.453	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	54.532.400.615
7. Phải trả dài hạn khác	337		145.036.363.637	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		450.041.357.124	171.120.290.254
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343			

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thị Nhậm - P. Hà Cầu - Q. Hà Đông - Hà Nội.

Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/15	01/01/15
1	2	3	4	5
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		365.693.260.352	339.341.149.335
I. Vốn chủ sở hữu	410		365.693.260.352	339.341.149.335
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		299.964.720.000	199.982.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	62.734.116.794
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(30.845.085)	(30.845.085)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	37.157.698.458
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.759.385.437	39.497.779.168
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		35.175.920.420	(49.411.110.486)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.583.465.017	88.908.889.654
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		2.997.008.817.089	1.870.917.621.687

Hà Đông, ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Lê Thị Ngọc Diệp

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Mai Văn Định

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC
Bùi Khắc Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.768.851.876.842	1.315.615.044.889
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		86.223.000	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		1.768.765.653.842	1.315.615.044.889
4. Giá vốn hàng bán	11		1.635.013.247.480	1.176.402.304.177
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		133.752.406.362	139.212.740.712
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.595.401.280	9.937.371.614
7. Chi phí tài chính	22		64.392.429.102	45.111.131.872
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		59.484.939.001	38.309.251.072
8. Chi phí bán hàng	25		12.099.572.822	15.234.377.836
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		31.751.268.786	39.587.249.328
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		32.104.536.932	49.217.353.290
11. Thu nhập khác	31		11.087.639.589	106.112.326.274
12. Chi phí khác	32		2.389.816.365	53.127.651.573
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		8.697.823.224	52.984.674.701
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		40.802.360.156	102.202.027.991
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		10.218.895.139	13.293.138.337
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		30.583.465.017	88.908.889.654
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.529,0	4.446
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

 Người lập biểu
 (Ký, họ tên)



Lê Thị Ngọc Diệp

 Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)



Mai Văn Định

Hà Đông, ngày ... tháng ... năm 2015

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thu yết min	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.802.360.156	102.202.027.991
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.853.590.125	9.523.509.274
- Các khoản dự phòng	03		(129.578.357)	(66.196.948.637)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		18.820.969	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.465.420.547)	8.202.105.007
- Chi phí lãi vay	06		59.484.939.001	38.309.251.072
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		100.564.711.347	92.039.944.707
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(454.803.135.065)	(357.510.461.526)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(374.166.880.846)	247.682.720.714
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		276.599.217.211	76.229.865.468
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(28.961.372)	3.885.127.980
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13			(68.971.393.286)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(62.509.931.666)	(6.402.492.589)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.667.599.286)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.648.127.195)	(39.325.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(526.660.706.872)	(13.086.013.532)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(50.037.370.816)	(13.709.391.527)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		147.272.727	742.845.048
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.137.000.000)	(62.242.255.640)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.695.567.700	63.721.503.516
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(193.587.237.898)	(136.982.544.730)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			1.659.472.800
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.232.101.317	6.695.018.580
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(236.686.666.970)	(140.115.351.953)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thu yết min	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.662.770.850.373	838.169.621.742
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(852.782.983.189)	(718.867.404.505)
5. Tiền trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		809.987.867.184	119.302.217.237
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		46.640.493.342	(33.899.148.248)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		21.375.385.987	55.274.534.235
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		142.792	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		68.016.022.121	21.375.385.987

Hà Đông, ngày 21 tháng 2 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Lê Thị Ngọc Diệp

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Mai Văn Định

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC

Bùi Khắc Sơn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Xuân Mai sau đây (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Nhà máy Bê tông Xuân Mai, được thành lập theo Quyết định số 1434 BXD/TCCB ngày 29 tháng 11 năm 1983 của Bộ Xây dựng. Nhà máy Bê tông Xuân Mai đổi tên thành Nhà máy Bê tông và Xây dựng Xuân Mai và chuyển về trực thuộc Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam theo Quyết định số 1049 BXD/TCLĐ ngày 06 tháng 12 năm 1996 của Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 1434/QĐ-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Nhà máy Bê tông và Xây dựng Xuân Mai chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000122 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) cấp ngày 04 tháng 12 năm 2003.

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông bất thường số 22/2013/NQ-XMC-BTL ngày 08 tháng 8 năm 2013, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ 10.200.000 cổ phần do Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) đang sở hữu cho Công ty TNHH Khải Hưng và ngày 21 tháng 4 năm 2014 đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai.

Công ty có 17 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cụ thể:

- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần một ngày 07/05/2004;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần hai ngày 11/03/2005;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 30/06/2006;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần bốn ngày 20/12/2006;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần năm ngày 19/04/2007;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần sáu ngày 08/10/2007;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần bảy ngày 29/12/2008;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần tám ngày 13/07/2009;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần chín ngày 25/07/2011;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần mười ngày 01/09/2011;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần mười một ngày 05/04/2013;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần mười hai ngày 13/05/2013;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần mười ba ngày 30/09/2013;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần mười bốn ngày 13/03/2014;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần mười lăm ngày 21/04/2014.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần mười sáu ngày 02/07/2014.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần mười bảy ngày 15/08/2014.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần mười tám ngày 20/05/2015.

Theo Quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 389/QĐ-TTGDHN của Giám đốc Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, Công ty chính thức được đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 20/12/2007 với mã chứng khoán là XMC.



Theo Quyết định số 538/QĐ-SGDHN của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc huỷ niêm yết cổ phiếu, Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai chính thức huỷ niêm yết kể từ ngày 12/11/2013. Lý do huỷ niêm yết: Huỷ niêm yết theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2013 số 27/2013/NQ/BTXM-ĐHĐCĐBT ngày 11/10/2013.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; Thi công xây dựng cầu, đường, công trình thủy lợi; Xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp; Kinh doanh phát triển nhà, trang trí nội, ngoại thất;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; lập dự án, tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát, quản lý dự án;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Gia công, chế tạo, hoán cải phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ thương mại;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Thiết kế, gia công chế tạo thiết bị nâng (Không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng nhà nước cấm);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét: Khai thác đá (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Kinh doanh dược - quây thuốc;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Kinh doanh xăng dầu;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị: Chế tạo lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, dây chuyền công nghệ, thiết bị tự động hoá trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Tư vấn đầu tư, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ: Kinh doanh vận chuyển hàng hoá, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật liệu xây dựng, các loại cầu kiện bê tông, các loại ống cấp và thoát nước;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chuyển giao công nghệ mới, thiết bị tự động hoá trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa: Khám chữa bệnh - phòng khám đa khoa;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp, cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng, cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao: Kinh doanh bể bơi, sân tennis;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, cho thuê các thiết bị thư giãn;



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thị Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản (không bao gồm môi giới, định giá, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét: Sản xuất vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông, các loại ống cấp thoát nước;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Dịch vụ thí nghiệm vật liệu xây dựng.
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ loại cặn).
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng: Bắt đầu từ 01/01 kết thúc 31/12 hàng năm.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

6.1. Các công ty con của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai

6.1.1 Công ty CP Xuân Mai Đạo Tú

Địa chỉ: xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc

Tel: (84-211) 3 895 576 Fax: (84-211) 3 895 574

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ:

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 4, số 2500302820 ngày 18/6/2013, vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng, số vốn góp của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai là: 26.000.000.000 đồng chiếm 65,00%, các cổ đông khác là 14.000.000.000 đồng.

6.1.2 Công ty CP tư vấn thiết kế Xuân Mai

Địa chỉ: Tầng 6, toà nhà 29T2 lô N05- KĐT Đông Nam Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: (84-4) 62 511 026 Fax: (84-4) 62 510 632

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ:

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102776909 ngày 11/6/2008 thay đổi lần 10 ngày 30/05/2014, tính đến thời điểm 31/12/2014 vốn điều lệ của Công ty là 23.815.600.000 đồng, số vốn góp của Công ty CP đầu tư và xây dựng Xuân Mai là: 20.610.000.000 đồng chiếm 86,54%, các cổ đông khác là 3.205.600.000 đồng.

6.1.3 Công ty CP xây lắp Xuân Mai

Địa chỉ: Tầng 4, toà nhà CT2 Ngô Thị Nhậm, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, TP Hà Nội

Tel: (84-042) 3 220 339 Fax: (84-042) 3 220 341

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ:

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104361561 thay đổi lần 1 ngày 08/01/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 09/05/2014 đổi tên "Công ty CP xây lắp Vinaconex Xuân Mai" thành "Công ty Cổ phần xây lắp Xuân Mai" tính đến thời điểm 31/12/2014 vốn điều lệ của Công ty là 21.500.000.000 đồng, Công ty CP đầu tư và xây dựng Xuân Mai góp 17.960.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 83,53%, các cổ đông khác 3.540.000.000 đồng.

6.1.4 Công ty CP cơ giới vận tải Xuân Mai

Địa chỉ: Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội

Tel: (84-043) 3 720 932 Fax: (84-043) 3 725 504

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ:



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thị Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104367524 thay đổi lần 3 ngày 20/07/2014, vốn điều lệ của Công ty là 9.000.000.000 đồng. Vốn góp của Công ty CP đầu tư và xây dựng Xuân Mai là: 7.000.000.000 đồng và chiếm 77,78%. Các cổ đông khác là 2.000.000.000 đồng.

6.1.5 Công ty cổ phần điện Xuân Mai

Địa chỉ: P102 tầng kỹ thuật - Toà CT2 Ngô Thị Nhậm - Phường Hà Cầu - Quận Hà Đông - TP Hà Nội.

Tel: (84-043) 3 820 555 Fax: (84-043) 3 820 555

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ:

- Công ty thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106379356 do sở kế hoạch đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 02/12/2013. Theo đăng ký kinh doanh vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng, trong đó Công ty CP đầu tư và xây dựng Xuân Mai chiếm tỷ lệ 80%.

6.1.6 Công ty TNHH một thành viên bê tông Xuân Mai

Địa chỉ: Thôn Xuân Trung, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

Tel: (84-043) 3 840 388 Fax: (84-043) 3 840 117

- Công ty thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106579919 do đăng ký kinh doanh số 03 TP Hà Nội cấp ngày 23/06/2014. Theo đăng ký kinh doanh vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng.

6.1.7 Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh BĐS Xuân Mai

Địa chỉ: tầng 5 tòa nhà CT2 Hành Chính, Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội

Tel: (84-043) Fax: (84-043)

- Công ty thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106810935 ngày 02 tháng 4 năm 2015. Theo đăng ký kinh doanh vốn điều lệ của Công ty là 86.387.237.898 đồng, trong đó Công ty CP đầu tư và xây dựng Xuân Mai chiếm 98,84%.

6.2 Các công ty liên doanh liên kết của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai

6.2.1 Công ty CP bê tông Xuân Mai Miền Nam

Địa chỉ: Ấp Rạch Bắp, xã An Tây, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (84-0650) 391 2891 Fax: (84-0650) 357 8430

Số vốn góp của Công ty CP đầu tư và xây dựng Xuân Mai là: 40.430.398.927 đồng, chiếm tỷ lệ 49%

6.2.2 Công ty cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng

Địa chỉ: Xã Hoà Nhơn, Huyện Hoà Vang, TP Đà Nẵng

Điện thoại: (84-0511) 367 6226 Fax: (0511) 365 3872

Số vốn góp của Công ty CP đầu tư và xây dựng Xuân Mai là: 24.500.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 49%

6.2.3. Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Sơn An

Địa chỉ: 77/2, KP3, đường Đồng Khởi, phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (84-061) 882 3388 Fax: (84-061) 882 3366

- Công ty thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3601019949 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai. Theo đăng ký kinh doanh vốn điều lệ của Công ty là 93.375.755.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2014 số vốn góp của Công ty CP đầu tư và xây dựng Xuân Mai là: 29.970.755.000 đồng, chiếm tỷ lệ 32,1%.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng



Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán BRAVO 7. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền và các khoản tương đương tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Trường hợp sử dụng tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm khoá sổ lập báo cáo tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh.

Phản ánh tình hình mua, bán và thanh toán các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật nắm giữ vì mục đích kinh doanh bao gồm: cổ phiếu, các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;

Phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng giảm của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

c) Các khoản cho vay;

d) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng là khoản phải thu về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, cung cấp dịch vụ.

Khoản phải thu của khách hàng được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán.

Khoản phải thu khác là các khoản nợ doanh nghiệp phải thu ngoài phạm vi khoản phải thu của khách hàng chủ yếu gồm: Giá trị tài sản thiếu đã được phát hiện nhưng chưa xác định được nguyên nhân, phải chờ xử lý; Các khoản phải thu về bồi thường vật chất do cá nhân, tập thể (trong và ngoài doanh nghiệp) gây ra như mất mát, hư hỏng vật tư, hàng hóa, tiền vốn,... đã được xử lý bất bồi thường; Tiền lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận phải thu từ các hoạt động đầu tư tài chính; và các khoản phải thu khác.

Dự phòng phải thu khó đòi: Là khoản dự phòng phần giá trị các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi.

Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp xác định các khoản nợ phải thu khó đòi và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự có khả năng không đòi được để trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Doanh nghiệp trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi:



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thị Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn;

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thực hiện theo quy định hiện hành; Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền; Phương pháp đích danh

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm >

- Nhà cửa vật kiến trúc	25-50
- Máy móc, thiết bị	6-15
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6-10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-10

5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị Công ty đã chi ra để có chương trình phần mềm phục vụ trong SXKD. Công ty thực hiện việc quản lý và trích khấu hao theo đúng quy định.

Riêng quyền sử dụng đất tại Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Hà Nội không xác định thời gian sử dụng không trích khấu hao và chưa được ghi nhận trên sổ kế toán khi cổ phần hoá doanh nghiệp.

5.3 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là giá trị quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

6. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Khoản vốn góp của Công ty vào hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là khoản đầu tư dài hạn.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận.

BCC chia lợi nhuận trước thuế thường là BCC dưới hình thức hoạt động đồng kiểm soát hoặc do một bên kiểm soát. Trường hợp BCC chia lợi nhuận trước thuế, các bên phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế. Lợi nhuận được phân chia và bên nào nộp thuế cho bên đó.

Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận ghi là nợ phải trả, không ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế suất (%) được sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại Công ty áp dụng theo quy định của Nhà nước.

Việc bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả chỉ thực hiện khi lập Bảng cân đối kế toán, không thực hiện khi ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên sổ kế toán.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán phải xác định chi phí thuế thu nhập hoãn lại theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Thuế thu nhập doanh nghiệp".

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Các chi phí thực tế đã phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và được kết chuyển dần vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau, bao gồm các loại chi phí: Công cụ, dụng cụ, đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán, Chi phí sửa chữa TSCĐ phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, phân bổ tối đa không quá 3 năm, các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán phải căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.



Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch NK ủy thác);

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ như các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay vốn. Doanh nghiệp hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

Doanh nghiệp thực hiện theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy theo đúng điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả là các khoản chi phí phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ nhà cung cấp trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi. Chi phí này phải được ước tính để ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy và trên nguyên tắc đảm bảo số chi phí hạch toán phù hợp với chi phí thực tế phát sinh.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Các khoản dự phòng phải trả ghi nhận thoả mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện.

Phản ánh số liệu hiện có và tình hình tăng, giảm doanh thu chưa thực hiện của Doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ.

Công ty không thực hiện hạch toán vào khoản này các khoản: Tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

15. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.



Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được mua lại do chính Công ty phát hành không nhằm mục đích để bán và được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Khoản cổ phiếu mà công ty con mua lại của Công ty mẹ được trình bày là khoản Cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của quý này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn trước hoạt động, chưa hoàn thành đầu tư.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu của Công ty chủ yếu bao gồm: doanh thu kinh doanh các mặt hàng bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông, xây dựng, lắp dựng cấu kiện bê tông cho các công trình xây dựng, doanh thu kinh doanh bất động sản, doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, khi đồng thời mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo giá trị nghiệm thu khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng biên bản nghiệm thu, quyết toán, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu được ghi nhận thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

- Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn của hoạt động xây dựng được xác định dựa trên lượng chi phí sản xuất kinh doanh tồn đầu kỳ cộng các chi phí thực tế phát sinh tăng trong kỳ và trừ đi phần chi phí dở dang cuối kỳ (phần chi phí này được xác định dựa trên phần giá trị sản lượng còn dở dang).

Đối với giá vốn bất động sản đầu tư khi chưa tập hợp được đầy đủ hồ sơ, chứng từ về các khoản chi phí liên quan trực tiếp tới việc đầu tư, xây dựng BĐS nhưng đã phát sinh doanh thu nhượng bán BĐS thì công ty trích trước một phần chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán với phần BĐS được xác định là đã bán trong kỳ và đủ tiêu chuẩn chi nhận doanh thu cho khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư.

Khoản ghi giảm giá vốn là các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại, khoản chênh lệch dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá đã thực hiện...

21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Công ty thực hiện ghi nhận đầy đủ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

Khoản giảm chi phí bán hàng là khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả về sửa chữa, bảo hành sản phẩm hàng hóa cần lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa đã lập ở kỳ kế toán trước nhưng chưa sử dụng hết.

Khoản giảm chi phí quản lý doanh nghiệp là khoản chênh lệch dự phòng trích lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ kỳ trước.

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thi Nhâm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

					<i>Đơn vị tính: Vnd</i>		
		Cuối kỳ			Đầu kỳ		
1. Tiền							
- Tiền mặt			17.677.327.460			2.900.600.810	
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn			50.338.694.661			18.474.785.177	
- Tiền đang chuyển							
	Cộng		68.016.022.121			21.375.385.987	
2. Các khoản đầu tư tài chính							
		Giá gốc	Cuối kỳ	Dự phòng	Giá gốc	Đầu kỳ	Dự phòng
			Giá trị hợp lý			Giá trị hợp lý	
a) Chứng khoán kinh doanh							
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn							
b1) Ngắn hạn							
- Tiền gửi có kỳ hạn		47.591.255.640	43.291.255.640	(3.300.000.000)	51.149.823.340	44.320.539.490	(6.829.283.850)
- Trái phiếu		17.080.000.000	12.780.000.000	(3.300.000.000)	20.638.567.700	13.809.283.850	(6.829.283.850)
- Các khoản đầu tư khác		17.080.000.000	12.780.000.000	(3.300.000.000)	20.638.567.700	13.809.283.850	(6.829.283.850)
Công ty cổ phần bê tông Xuân Mai Miền Nam		11.000.000.000	11.000.000.000		17.058.567.700	13.529.283.850	(3.529.283.850)
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Megastar		3.300.000.000		(3.300.000.000)	3.300.000.000	-	(3.300.000.000)
Công ty CP Xuân Mai - Đà Nẵng		500.000.000	500.000.000				
Công ty CP Đầu tư XD nhà ở Sơn An							
Công ty Cổ phần Sông Đà 207		1.000.000.000	1.000.000.000				
Phùng Ngọc Lam - BDH Marine vay khế ước		160.000.000	160.000.000		160.000.000	160.000.000	
Lê Đình Hồ - BDH San Hồ vay khế ước		120.000.000	120.000.000		120.000.000	120.000.000	
Nguyễn Mậu Hùng - BDH Sơn An		1.000.000.000	1.000.000.000				
b2) Dài hạn		30.511.255.640	30.511.255.640	-	30.511.255.640	30.511.255.640	-
- Tiền gửi có kỳ hạn							
- Trái phiếu							
- Các khoản đầu tư khác		30.511.255.640	30.511.255.640	-	30.511.255.640	30.511.255.640	-
Công ty CP sản xuất bao bì và hàng xuất khẩu		30.511.255.640	30.511.255.640		30.511.255.640	30.511.255.640	



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thi Nhâm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

- Đầu tư vào công ty con	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Cuối kỳ			Đầu kỳ				
			Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	100,00%	100,00%	100.000.000.000		100.000.000.000	100,00%	100,00%	100.000.000.000		100.000.000.000
Công ty cổ phần Xuân Mai Đạo Tú	65,00%	65,00%	27.940.000.000		27.940.000.000	65,00%	65,00%	27.940.000.000		27.940.000.000
Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai	80,00%	80,00%	80.000.000.000		80.000.000.000	80,00%	80,00%	80.000.000.000		80.000.000.000
Công ty CP đầu tư và KD BDS Xuân Mai	98,73%	98,73%	85.387.237.898		85.387.237.898					
Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai	83,53%	83,53%	17.960.000.000		17.960.000.000	83,53%	83,53%	17.960.000.000		17.960.000.000
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Xuân Mai	86,54%	86,54%	22.554.000.000		22.554.000.000	80,24%	80,24%	21.054.000.000		21.054.000.000
Công ty cổ phần cơ giới vận tải Xuân Mai	77,78%	77,78%	7.000.000.000		7.000.000.000	77,78%	77,78%	7.000.000.000		7.000.000.000
			340.841.237.898		340.841.237.898			253.954.000.000		253.954.000.000

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Cuối kỳ			Đầu kỳ				
			Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP bê tông Xuân Mai Miền Nam	49,00%	49,0%	40.430.398.927	(40.430.398.927)		49,00%	49,0%	40.430.398.927	(40.430.398.927)	
Công ty cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	49,00%	49,0%	24.500.000.000	(23.308.004.708)	1.191.995.292	49,00%	49,0%	24.500.000.000	(20.055.070.750)	4.444.929.250
Công ty CP đầu tư PT đô thị Sơn An	32,10%	32,1%	29.970.755.000		29.970.755.000	32,10%	32,1%	29.970.755.000		29.970.755.000
			94.901.153.927	(63.738.403.635)	31.162.750.292			94.901.153.927	(60.485.469.677)	34.415.684.250

- Đầu tư vào đơn vị khác

	Cuối kỳ			Đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	1.835.000.000	(1.835.000.000)		1.835.000.000	(1.835.000.000)	
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển điện miền Bắc 2	722.150.000		722.150.000	722.150.000		722.150.000
Công ty CP Điện Việt Lào	106.700.000.000		106.700.000.000			
	109.257.150.000	(1.835.000.000)	107.422.150.000	2.557.150.000	(1.835.000.000)	722.150.000

- Đầu tư khác

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thi Nhâm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

3. Phải thu của khách hàng**a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

- *Phải thu của khách hàng chiếm 10% trở lên trên tổng phải thu của khách hàng.*

Ban điều hành dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2

Công ty cổ phần phát triển thương mại Vinaconex

Công ty cổ phần xây dựng và thương mại VT

Công ty cổ phần Him Lam

- *Phải thu của khách hàng khác*

- *Phải thu của khách hàng là các bên liên quan*

+ Công ty con

Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai

Công ty cổ phần Xuân Mai Đạo Tú

Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai

Công ty CP đầu tư và kinh doanh BĐS Xuân Mai

Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai

Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Xuân Mai

Công ty cổ phần cơ giới vận tải Xuân Mai

+ Công ty liên kết

Công ty cổ phần bê tông Xuân Mai Miền

Công ty cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng

Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Sơn An

b) Phải thu của khách hàng dài hạn

- *Phải thu của khách hàng chiếm 10% trở lên trên tổng phải thu của khách hàng.*

- *Phải thu của khách hàng khác*

- *Phải thu của khách hàng là các bên liên*

4. Phải thu khác**a) Ngắn hạn**

- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;

- Phải thu người lao động; (Nợ tạm ứng cá nhân)

- Ký cược, ký quỹ;

- Phải thu khác.

Dự án Tân Phú, Quận 9, TPHCM (Nguyễn Công Dân)

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	%	Giá trị	%
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	807.736.149.084		527.469.896.357	
- <i>Phải thu của khách hàng chiếm 10% trở lên trên tổng phải thu của khách hàng.</i>	<i>269.595.753.586</i>		<i>122.309.118.348</i>	
Ban điều hành dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	44.682.046.219	5,53%	64.776.275.022	12,28%
Công ty cổ phần phát triển thương mại Vinaconex	57.532.843.326	7,12%	57.532.843.326	10,91%
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại VT	90.636.045.741	11,22%		
Công ty cổ phần Him Lam	76.744.818.300	9,50%		
- <i>Phải thu của khách hàng khác</i>	<i>414.862.305.458</i>		<i>237.961.797.233</i>	
- <i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>123.278.090.040</i>		<i>167.198.980.776</i>	
+ Công ty con	94.210.944.212		138.809.286.908	
Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	8.186.108.291	1,01%	105.702.086.591	20,04%
Công ty cổ phần Xuân Mai Đạo Tú	44.385.110.526	5,50%	31.010.839.248	5,88%
Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai	7.954.113.826	0,98%		
Công ty CP đầu tư và kinh doanh BĐS Xuân Mai	888.710.900	0,11%		
Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai	30.348.394.203	3,76%		
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Xuân Mai	2.448.506.466	0,30%	2.096.361.069	0,40%
Công ty cổ phần cơ giới vận tải Xuân Mai				
+ Công ty liên kết	29.067.145.828		28.389.693.868	
Công ty cổ phần bê tông Xuân Mai Miền	7.696.617.686	0,95%	7.336.255.443	1,39%
Công ty cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	21.370.528.142	2,65%	21.053.438.425	3,99%
Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Sơn An				
b) Phải thu của khách hàng dài hạn				
- <i>Phải thu của khách hàng chiếm 10% trở lên trên tổng phải thu của khách hàng.</i>				
- <i>Phải thu của khách hàng khác</i>				
- <i>Phải thu của khách hàng là các bên liên</i>				
4. Phải thu khác				
		Cuối kỳ		Đầu kỳ
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	75.678.627.818	(1.235.035.269)	92.157.425.095	(1.235.035.269)
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;				
- Phải thu người lao động; (Nợ tạm ứng cá nhân)	12.602.937.516		11.661.726.610	
- Ký cược, ký quỹ;	113.621.200		67.926.666	
- Phải thu khác.	62.962.069.102	(1.235.035.269)	80.427.771.819	(1.235.035.269)
<i>Dự án Tân Phú, Quận 9, TPHCM (Nguyễn Công Dân)</i>	<i>20.696.500.000</i>		<i>41.296.500.000</i>	

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thị Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.

Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

Dự án Biệt thự nhà vườn khu đất Nhà Bè (Trần Hoa Mai)	17.500.000.000		17.500.000.000	
Dự án khu đất xã Vĩnh Lộc B, Bình Chánh (Trần Văn Bắc)	18.125.408.000		18.125.408.000	
Cty TNHH MTV cơ khí và XD Megastar	985.246.528	(985.246.528)	985.246.528	(985.246.528)
Công ty CP SX bao bì và Hàng Xuất khẩu	4.913.694.565		1.863.614.388	
Phải thu khác	741.220.009	(249.788.741)	657.002.903	(249.788.741)
b) Dài hạn	234.371.181.378		159.753.227.162	
- Ký cược, ký quỹ;	52.600.000.000		22.000.000.000	
- Phải thu khác.	181.771.181.378		137.753.227.162	
Công ty TNHH Thương mại Nam Hoàn Vũ Phong Phú	37.750.000.000		37.750.000.000	
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Hai Thành	7.003.963.007		7.003.963.007	
Cty CP Sông Đà 1.01 Góp vốn đầu tư XD DA nhà ở Hemisco	8.991.930.232		8.991.930.232	
Cty TNHH Thương mại - Tư vấn và xây dựng Việt Hưng	6.000.000.000		6.000.000.000	
TCT phát thanh truyền hình thông tin EMICO hợp đồng 198	30.000.000.000			
TCT phát thanh truyền hình thông tin EMICO hợp đồng 58	89.557.730.678		78.007.333.923	
Ban điều hành dự án Nút Giao Long Biên	2.467.557.461			
	310.049.809.196		251.925.922.770	

5. Tài sản thiếu chờ xử lý**6. Nợ xấu****7. Hàng tồn kho:**

- Hàng đang đi trên đường;
- Nguyên liệu, vật liệu;
- Công cụ, dụng cụ;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	4.222.360.343		21.918.095	
	33.907.913		24.482.091	
	786.847.760.275		411.875.573.832	
	791.104.028.531		411.921.974.018	

8. Tài sản dở dang dài hạn**a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

- Nhà 11T2 Chung cư Xuân Mai
- Nhà 19T2 Chung cư Vĩnh Phúc

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị gốc	Giá trị có thể thu hồi
	35.223.538.638	35.223.538.638	39.063.933.137	39.063.933.137
	10.120.155.941	10.120.155.941	10.120.155.941	10.120.155.941
	8.244.843.846	8.244.843.846	8.244.843.846	8.244.843.846



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thị Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

CP chung Khu Vĩnh Phúc	7.430.528.993	7.430.528.993	7.383.052.288	7.383.052.288
CP chung Khu Xuân Mai	9.428.009.858	9.428.009.858	9.416.267.312	9.416.267.312
DA số 677A đường Lê Văn Việt			1.043.553.113	1.043.553.113
Khu biệt thự nhà vườn TP HCM			987.990.277	987.990.277
Dự án CC cao tầng Q9 TP HCM			1.868.070.360	1.868.070.360

Cuối kỳ

Đầu kỳ

b) Xây dựng cơ bản dở dang	11.030.310.070		5.564.876.344	
- Mua sắm;				
- Xây dựng cơ bản	11.030.310.070		5.564.876.344	
Đầu tư trạm trộn số 2 tại XMB	2.095.486.036		5.564.876.344	
Đầu tư dây chuyền sản xuất tấm tường bê tông Acotec	950.577.117			
Đầu tư Trụ sở văn phòng XMC tại CT2 Hành Chính	7.984.246.917			
- Sửa chữa.				

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	31.410.261.724	12.068.918.082	5.002.866.966	3.741.401.081		52.223.447.853
- Mua trong năm		1.267.354.508	4.102.054.546	214.843.027	773.440.000	6.357.692.081
- Đầu tư XD CB hoàn thành	7.703.418.313	38.738.301.677				46.441.719.990
- Tăng khác						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		(2.575.999.091)	(1.153.276.531)			(3.729.275.622)
- Giảm khác	(230.311.547)	(6.661.270.758)				(6.891.582.305)
Số dư cuối năm	38.883.368.490	42.837.304.418	7.951.644.981	3.956.244.108	773.440.000	94.402.001.997
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.118.218.626	3.502.785.918	4.037.016.160	1.975.411.214		13.633.431.918
- Khấu hao trong năm	1.414.363.331	2.909.016.866	496.569.319	725.461.845	110.835.435	5.656.246.796
- Tăng khác						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(9.212.472)					(9.212.472)
- Thanh lý, nhượng bán		(919.460.785)	(806.620.774)			(1.726.081.559)
- Giảm khác		(1.726.279.714)				(1.726.279.714)
Số dư cuối năm	5.523.369.485	3.766.062.285	3.726.964.705	2.700.873.059	110.835.435	15.828.104.969
III. Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	27.292.043.098	8.566.132.164	965.850.806	1.765.989.867		38.590.015.935
- Tại ngày cuối năm	33.359.999.005	39.071.242.133	4.224.680.276	1.255.371.049	662.604.565	78.573.897.028



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thị Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:	31.112.891.985
<i>Tầng 3 tòa nhà CT2 Ngô Thị Nhậm - Hà Đông: 1.568 m2</i>	17.518.241.749
<i>Nội thất tầng 3 tòa nhà CT2 Ngô Thị Nhậm - Hà Đông</i>	1.025.357.133
<i>Hạ tầng Trung tâm thương mại</i>	5.285.449.176
<i>Sân Tennis khu TT Thương Mại</i>	518.204.489
<i>Trạm trộn 75m3/h phần xây dựng</i>	1.993.250.244
<i>Trạm trộn 75m3/h phần thiết bị</i>	3.045.358.207
<i>Bể bơi CT2 Hành chính</i>	1.727.030.987
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	3.137.815.360
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao chờ thanh lý:	190.238.000
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:	0
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:	

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>				61.500.000		61.500.000
- Mua trong năm				109.000.000		109.000.000
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp						
- Tăng do hợp nhất kinh doanh						
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
<i>Số dư cuối năm</i>				170.500.000		170.500.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>				50.584.677		50.584.677
- Khấu hao trong năm				33.379.482		33.379.482
- Tăng khác						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
<i>Số dư cuối năm</i>				83.964.159		83.964.159
III. Giá trị còn lại						
- <i>Tại ngày đầu năm</i>				10.915.323		10.915.323
- <i>Tại ngày cuối năm</i>				86.535.841		86.535.841

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thi Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng:
- Thuyết minh số liệu và giải trình khác.

30.000.000 đồng.

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:**12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:**

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	56.380.633.994	72.346.783.506	56.380.633.994	72.346.783.506
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	56.380.633.994	70.512.768.299	56.380.633.994	70.512.768.299
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng		1.834.015.207		1.834.015.207
Giá trị hao mòn lũy kế	4.881.529.385	6.223.321.186	4.881.529.386	6.223.321.185
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	4.881.529.385	6.116.336.966	4.881.529.386	6.116.336.965
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng		106.984.220		106.984.220
Giá trị còn lại	51.499.104.609	66.123.462.320	51.499.104.608	66.123.462.321
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	51.499.104.609	64.396.431.333	51.499.104.608	64.396.431.334
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng		1.727.030.987		1.727.030.987
b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá		76.358.486.951	76.358.486.951	
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà		230.311.547	230.311.547	
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng		76.128.175.404	76.128.175.404	
Tồn thất do suy giảm giá trị				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại		76.358.486.951	76.358.486.951	
- Nhà		230.311.547	230.311.547	
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng		76.128.175.404	76.128.175.404	

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thi Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá;
- Thuyết minh số liệu và giải trình khác.

13. Chi phí trả trước

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
a) Ngắn hạn	1.264.026.159	932.225.592
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ;		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	212.216.078	49.077.627
- Thuế TNDN	886.667.035	773.347.965
- Chi phí đi vay;		
- Các khoản khác (nêu chi tiết nếu có giá trị lớn).	165.143.046	109.800.000
b) Dài hạn	4.573.350.862	4.762.870.987
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí mua bảo hiểm;		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	308.854.844	223.770.248
- Các khoản khác	4.264.496.018	4.539.100.739
<i>Phí bảo trì tòa nhà CT2 Ngô Thi Nhậm</i>	<i>84.811.865</i>	<i>197.894.365</i>
<i>Phí môi giới nhà CT2 Hành Chính</i>		<i>2.938.631.338</i>
<i>Chi phí Showroom nhà CT2 Hành Chính</i>		<i>1.192.623.564</i>
<i>Phí môi giới nhà 19T1 Vĩnh Yên</i>	<i>595.351.149</i>	
<i>Phí môi giới nhà A-B-C Dương Nội</i>	<i>2.347.676.140</i>	
<i>Phí môi giới Dự án Bưu Long</i>	<i>961.145.649</i>	
<i>Phí tư vấn phương án tiếp thị và phân phối căn hộ thuộc tòa CT1 VOV</i>	<i>150.000.000</i>	
<i>Chi phí khác</i>	<i>125.511.215</i>	<i>209.951.472</i>

14. Tài sản khác

- a) Ngắn hạn
- b) Dài hạn



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thi Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

15. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	1.143.993.137.459	1.143.993.137.459	1.330.918.242.109	799.851.441.795	612.926.337.145	612.926.337.145
- Vay ngắn hạn NH Liên Việt - CN Hà Nội - PGD Hà Đông	394.767.520.100	394.767.520.100	473.138.920.100	366.351.932.485	287.980.532.485	287.980.532.485
- Vay ngắn hạn NH Công thương Việt Nam - CN Láng Hòa Lạc			14.607.934.156	59.539.318.257	44.931.384.101	44.931.384.101
- Vay ngắn hạn NH Đầu tư và Phát triển Hà Tây	395.000.975.895	395.000.975.895	454.076.865.671	118.224.080.413	59.148.190.637	59.148.190.637
- Nợ dài hạn đến hạn trả NH Liên Việt	327.989.405.763	327.989.405.763	355.916.810.351	221.429.582.549	193.502.177.961	193.502.177.961
- Nợ dài hạn đến hạn trả NH Đầu tư và PT Hà Tây	3.600.000.000	3.600.000.000	5.000.000.000	1.400.000.000		-
- Vay ngắn hạn các tổ chức	17.261.235.169	17.261.235.169	16.600.000.000	5.944.316.792	6.605.551.961	6.605.551.961
- Vay ngắn hạn khác	5.374.000.532	5.374.000.532	11.577.711.831	26.962.211.299	20.758.500.000	20.758.500.000
b) Vay dài hạn	450.041.357.124	450.041.357.124	691.369.418.615	412.448.351.745	171.120.290.254	171.120.290.254
- Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	263.638.392.690	263.638.392.690	579.674.821.213	385.898.351.745	69.861.923.222	69.861.923.222
+ Dự án CT2 Hành Chính			65.568.745.254	135.430.668.476	69.861.923.222	69.861.923.222
+ Dự án VOV			74.708.754.855	74.708.754.855		
+ Dự án HH2 Dương Nội	263.638.392.690	263.638.392.690	439.397.321.104	175.758.928.414		
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	108.044.597.402	108.044.597.402	111.694.597.402	3.650.000.000		-
+ Đầu tư cổ phiếu công ty CP Điện Việt Lào	74.690.000.000	74.690.000.000	74.690.000.000			
+ Đầu tư công nghệ tấm tường bê tông rỗng tiền chế Acotec	30.973.299.042	30.973.299.042	32.473.299.042	1.500.000.000		
+ Đầu tư 02 trạm trộn bê tông tại XMB	1.366.144.000	1.366.144.000	2.966.144.000	1.600.000.000		
+ Đầu tư 02 vận thăng lồng	1.015.154.360	1.015.154.360	1.565.154.360	550.000.000		
- Vay dài hạn các tổ chức	78.358.367.032	78.358.367.032		22.900.000.000	101.258.367.032	101.258.367.032
Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai	78.358.367.032	78.358.367.032		200.000.000	78.558.367.032	78.558.367.032
Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai				22.700.000.000	22.700.000.000	22.700.000.000
- Vay dài hạn đối tượng khác						
Cộng (a)+(b)	1.594.034.494.583	1.594.034.494.583	2.022.287.660.724	1.212.299.793.540	784.046.627.399	784.046.627.399
c) Các khoản nợ thuê tài chính						

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thi Nhâm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.**d) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán****đ) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan**

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu kỳ		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
- Vay ngắn hạn	17.261.235.169	17.261.235.169	16.600.000.000	5.944.316.792	6.605.551.961	6.605.551.961	
Công ty cổ phần Xuân Mai Đạo Tú	CTXMD	7.750.000.000	7.750.000.000	8.100.000.000	350.000.000		
Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai	CTXME	4.311.235.169	4.311.235.169	2.000.000.000	4.294.316.792	6.605.551.961	6.605.551.961
Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai - XML	CTXML	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000			-
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Xuân Mai - XMT	CTXMT	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000			
Công ty cổ phần cơ giới vận tải Xuân Mai	CTXMV			1.300.000.000	1.300.000.000		
- Vay dài hạn	78.358.367.032	78.358.367.032		22.900.000.000	101.258.367.032	101.258.367.032	
Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai	CTXME	78.358.367.032	78.358.367.032	200.000.000	78.558.367.032	78.558.367.032	
Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai	CTXML			22.700.000.000	22.700.000.000	22.700.000.000	
16. Phải trả người bán	Cuối kỳ				Đầu kỳ		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	%		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	%
a) Phải trả người bán ngắn hạn	655.265.592.760	655.265.592.760			479.692.146.253	479.692.146.253	
<i>- Phải trả người bán chiếm 10% trở lên trên tổng phải trả khách hàng.</i>							-
<i>- Phải trả người bán khác</i>	<i>301.429.941.800</i>	<i>301.429.941.800</i>			<i>131.125.926.996</i>	<i>131.125.926.996</i>	
<i>- Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>353.835.650.960</i>	<i>353.835.650.960</i>			<i>348.566.219.257</i>	<i>348.566.219.257</i>	
Công ty con	350.200.424.671	350.200.424.671			344.565.144.768	344.565.144.768	
Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	CTXMB	63.869.678.787	63.869.678.787	9,75%	83.699.452.154	83.699.452.154	17,45%
Công ty cổ phần Xuân Mai Đạo Tú	CTXMD	105.215.230.533	105.215.230.533	16,06%	121.699.696.723	121.699.696.723	25,37%
Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai	CTXME	3.255.620.147	3.255.620.147	0,50%			-
Công ty CP đầu tư và kinh doanh BDS Xuân Mai	CTXMH	2.381.172.597	2.381.172.597	0,36%			-
Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai	CTXML	136.597.502.780	136.597.502.780	20,85%	104.491.519.039	104.491.519.039	21,78%
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Xuân Mai	CTXMT	23.147.688.015	23.147.688.015	3,53%	22.733.381.479	22.733.381.479	4,74%
Công ty cổ phần cơ giới vận tải Xuân Mai	CTXMV	15.733.531.812	15.733.531.812	2,40%	11.941.095.373	11.941.095.373	2,49%
Công ty liên kết	3.635.226.289	3.635.226.289			4.001.074.489	4.001.074.489	
Công ty cổ phần bê tông Xuân Mai Miền	CTVINA4:	3.560.036.289	3.560.036.289	0,54%	4.001.074.489	4.001.074.489	0,83%
Công ty cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng							
Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Sơn An		75.190.000	75.190.000				

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thi Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.

Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

b) Phải trả khách hàng dài hạn**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Số tiền phải thu Nhà nước	Số tiền phải nộp Nhà nước	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số tiền phải thu Nhà nước	Số tiền phải nộp Nhà nước
Tổng cộng	9.047.543.236	5.400.660.393	21.241.635.311	44.483.489.907	33.371.788.730	3.093.140.074
- Thuế GTGT đầu ra		99.510.735	2.997.074.111	3.118.951.578	22.366.732	
- Thuế GTGT được khấu trừ	7.775.312.758			25.258.444.315	33.033.757.073	
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu			3.984.491.733	3.984.491.733		
- Thuế nhà thầu nước ngoài		26.186.267	40.475.222	26.186.267		40.475.222
- Thuế xuất nhập khẩu			600.545.515	600.545.515		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		2.264.501.585	10.332.214.209	9.667.599.286		2.929.116.508
- Thuế thu nhập cá nhân		103.891.104	1.225.496.491	1.207.595.355		121.792.240
- Thuế tài nguyên		2.146.746	22.293.760	22.684.402		1.756.104
- Thuế nhà đất	1.272.230.478		1.550.557.009	593.991.456	315.664.925	
- Tiền thuế bảo vệ môi trường và các loại thu			3.000.000	3.000.000		
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		2.904.423.956	485.487.261	3.389.911.217		0

18. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn	72.998.559.544	8.331.959.282
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép;		
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh;		
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa;	67.045.208.629	5.440.284.266
- Các khoản trích trước lãi vay	5.953.350.915	2.891.675.016
b) Dài hạn	57.614.441.453	
- Các khoản khác	57.614.441.453	
	130.613.000.997	8.331.959.282

19. Phải trả khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn	32.978.102.960	44.615.315.149
- Kinh phí công đoàn;	74.514.548	155.712.577
- Bảo hiểm xã hội;	273.044.007	193.816.408
- Bảo hiểm y tế;	48.242.419	34.416.931
- Bảo hiểm thất nghiệp;	20.338.879	14.462.820

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thi Nhâm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.

Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	32.561.963.107	44.216.906.413
<i>Phí bảo trì các chung cư</i>	<i>5.415.874.538</i>	<i>20.840.524.070</i>
<i>Vay vốn cán bộ công nhân viên</i>	<i>25.231.131.024</i>	<i>9.052.657.893</i>
<i>Khoản khác</i>	<i>1.914.957.545</i>	<i>14.323.724.450</i>
b) Dài hạn	145.036.363.637	
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn;	36.363.637	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	145.000.000.000	
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
20. Doanh thu chưa thực hiện	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn		
<i>Cho thuê Bể bơi tại chung cư CT2 Hành Chính</i>		
<i>Cho thuê tầng 1 nhà 19T1 Vĩnh Phúc</i>		
- Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống;		
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.		
b) Dài hạn	-	54.532.400.615
- Doanh thu nhận trước;		
- Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống;		
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.		54.532.400.615
<i>Tòa 19T3 Khu CC Kiến Hưng</i>	-	<i>4.295.031.965</i>
<i>Tòa 19T5 Khu CC Kiến Hưng</i>	-	<i>2.140.252.823</i>
<i>Tòa 19T6 Khu CC Kiến Hưng</i>	-	<i>4.163.501.283</i>
<i>Tòa CT1 Ngô Thi Nhâm</i>	-	<i>43.933.614.544</i>
c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng		
21. Trái phiếu phát hành		
22. Cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả		
23. Dự phòng phải trả		
24. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả		



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thị Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

25. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

A	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Cổ phiếu quỹ	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	199.982.400.000	62.734.116.794	37.157.698.458			(30.845.085)	(49.411.110.486)	250.432.259.681
- Tăng vốn trong năm trước								
- Lãi trong năm trước							88.908.889.654	88.908.889.654
- Tăng khác								
- Giảm vốn trong năm trước								
- Lỗ trong năm trước								
- Giảm khác								
Số dư đầu năm nay	199.982.400.000	62.734.116.794	37.157.698.458			(30.845.085)	39.497.779.168	339.341.149.335
- Tăng vốn trong năm nay	99.982.320.000							99.982.320.000
- Lãi trong năm nay							30.583.465.017	30.583.465.017
- Tăng khác			90.504.748					90.504.748
- Giảm vốn trong năm nay		62.734.116.794	37.248.203.206					99.982.320.000
- Lỗ trong năm nay								
- Giảm khác							4.321.858.748	4.321.858.748
Số dư cuối năm nay	299.964.720.000					(30.845.085)	65.759.385.437	365.693.260.352

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

- Vốn góp của công ty mẹ (nếu là công ty con)
- Vốn góp của các đối tượng khác
- + Công ty TNHH Khai Hưng
- + Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Ngọc Mai
- + Cổ đông khác

	Cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ	Tỷ lệ (%)
	299.964.720.000		199.982.400.000	
			102.000.000.000	51
	165.199.290.000	55%		
	134.765.430.000	45%	97.982.400.000	49
	299.964.720.000		199.982.400.000	

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
- + Vốn góp đầu năm
- + Vốn góp cuối năm

	Năm nay	Năm trước
	199.982.400.000	199.982.400.000
	299.964.720.000	199.982.400.000

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
d) Cổ phiếu		
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.996.472	19.998.240
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.996.472	19.998.240
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	29.996.472	19.998.240
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.760	1.760
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.760	1.760
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.994.712	19.996.480
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	29.994.712	19.996.480
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		

* **Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu**

đ) Cổ tức

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
e) Các quỹ của doanh nghiệp:		
- Quỹ đầu tư phát triển;		37.157.698.458
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp;		

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào **Vốn chủ sở hữu** theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

26. Chênh lệch đánh giá lại tài sản

27. Chênh lệch tỷ giá

28. Nguồn kinh phí

29. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

30. Các thông tin khác do doanh nghiệp tự thuyết minh, giải trình.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.768.765.653.842	1.315.615.044.889
a) Doanh thu	1.768.765.653.842	1.315.615.044.889
- Doanh thu bán hàng;	271.418.419.940	249.958.428.433
- Doanh thu xây lắp;	701.996.447.657	234.459.134.086
- Doanh thu sản xuất công nghiệp;	229.695.343.612	343.798.931.715
- Doanh thu kinh doanh BĐS	559.107.767.677	481.186.344.090
+ <i>Doanh thu thành phẩm BĐS</i>	421.961.489.527	481.186.344.090
+ <i>Doanh thu bán BĐS đầu tư</i>	76.452.018.261	
+ <i>Doanh thu cho thuê BĐS</i>	60.694.259.889	
- Doanh thu khác	6.547.674.956	6.212.206.565
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	342.219.965.583	180.108.094.622
Công ty con	299.483.689.104	180.209.937.645
Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	CTXMB 63.825.811.025	94.476.011.026
Công ty cổ phần Xuân Mai Đạo Tú	CTXMD 74.407.043.094	59.092.405.287
Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai	CTXME 7.905.130.265	297.587.755
Công ty CP đầu tư và kinh doanh BĐS Xuân Mai	CTXMH 76.658.681.041	
Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai	CTXML 75.967.264.840	23.848.291.893
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Xuân Mai	CTXMT 719.758.839	2.346.804.184
Công ty cổ phần cơ giới vận tải Xuân Mai	CTXMV	148.837.500

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thị Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

Công ty liên kết	42.736.276.479	(101.843.023)
Công ty cổ phần bê tông Xuân Mai Miền Nam	CTVINA45	
Công ty cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng		(101.843.023)
Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Sơn An	42.736.276.479	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	86.223.000	
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại;		
- Giảm giá hàng bán;	86.223.000	
- Hàng bán bị trả lại;		
3. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn xây lắp	663.023.564.425	210.101.537.307
- Giá vốn sản xuất công nghiệp	197.625.235.748	296.091.632.418
- Giá vốn hàng hóa	269.142.319.535	247.430.594.616
- Giá vốn kinh doanh BĐS	495.916.693.768	416.880.033.783
+ <i>Giá vốn thành phẩm BĐS</i>	<i>362.819.825.598</i>	<i>416.880.033.783</i>
+ <i>Giá vốn bán BĐS đầu tư</i>	<i>76.128.175.404</i>	
+ <i>Giá vốn cho thuê BĐS đầu tư</i>	<i>56.968.692.766</i>	
- Giá vốn khác	9.305.434.004	5.898.506.053
- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán.		
	<u>1.635.013.247.480</u>	<u>1.176.402.304.177</u>
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.705.736.850	6.035.632.968
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;	2.145.746.083	2.523.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	203.785	6.302.454
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán;	281.890.413	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác.	461.824.149	1.372.436.192
	<u>6.595.401.280</u>	<u>9.937.371.614</u>
5. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay;	59.528.346.162	38.309.251.072
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính;		71.259.916.073
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	19.135.348	169.970.200
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư;	3.252.933.958	6.417.243.027
- Chi phí tài chính khác.	1.592.013.634	378.478.270
- Hoàn nhập dự phòng		(71.423.726.770)
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính		
	<u>64.392.429.102</u>	<u>45.111.131.872</u>
6. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	613.937.614	98.361.837.313
- Lãi do đánh giá lại tài sản;		
- Tiền phạt thu được;	296.584.639	2.927.851.096
- Thuế được giảm;		
- Các khoản khác.	10.177.117.336	4.822.637.865
	<u>11.087.639.589</u>	<u>106.112.326.274</u>

7. Chi phí khác

		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	8111		43.862.659.215
- Lỗ do đánh giá lại tài sản;	8112		
- Các khoản bị phạt;	8113	1.001.234.699	3.599.605.348
- Các khoản khác.	8118	1.388.581.666	5.665.387.010
		2.389.816.365	53.127.651.573

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
	Giá trị	%	Giá trị	%
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	37.356.170.058		40.665.249.829	
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí QLDN	30.423.443.693		33.445.274.880	
<i>Chi phí nhân viên quản lý</i>	20.569.517.383	55,1%	24.551.665.139	65,7%
<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	7.631.537.353	20,4%	8.893.609.741	23,8%
<i>Trích lập dự phòng phải thu</i>	2.222.388.957	5,9%		
- Các khoản chi phí QLDN khác	6.932.726.365		7.219.974.949	
		18,6%		19,3%
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	5.415.419.112		15.234.377.836	
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	5.415.419.112		15.229.914.236	
<i>Chi phí nhân viên bán hàng</i>	669.954.794	12,4%	1.773.312.754	11,6%
<i>Chi phí bán hàng mua ngoài</i>	119.260.734	2,2%	503.487.850	3,3%
<i>Chi phí bán hàng bằng tiền</i>	4.626.203.584	85,4%	12.953.113.632	85,0%
- Các khoản chi phí bán hàng khác			4.463.600	
		0,0%		0,0%
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(5.604.901.272)		(1.078.000.501)	
- Hoàn nhập dự phòng, bảo hành sản phẩm, hàng hóa;				
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác;	(5.604.901.272)		(1.078.000.501)	
- Các khoản ghi giảm khác.				

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu;		207.778.182.854	112.835.706.886
- Chi phí nhân công;		72.453.882.924	66.782.634.420
- Chi phí khấu hao tài sản cố định;		10.674.929.864	8.685.814.004
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;		38.733.937.270	617.329.397.292
- Chi phí khác bằng tiền.		21.099.687.434	14.006.431.390
- Chi phí thuê phụ		1.202.729.177.072	
- Vốn hóa chi phí lãi vay		38.649.193.477	28.830.669.825
- Dự phòng		(3.382.512.315)	1.864.243.286
Cộng		1.588.736.478.580	850.334.897.103

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành; (8211)		9.681.171.356	8.679.823.883
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay;		537.723.783	4.613.314.454
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.		10.218.895.139	13.293.138.337

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thị Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

IX. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin chính khác:
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
3. Thông tin về các bên liên quan:

a) Giao dịch với các bên liên quan:

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	
Công ty TNHH Khải Hưng	Công ty mẹ	
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Ngọc Mai	Công ty mẹ	Từ quý 2/2015
Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	Công ty con	
Công ty cổ phần Xuân Mai Đạo Tú	Công ty con	
Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai	Công ty con	
Công ty CP đầu tư và kinh doanh BĐS Xuân Mai	Công ty con	
Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai	Công ty con	
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Xuân Mai	Công ty con	
Công ty cổ phần cơ giới vận tải Xuân Mai	Công ty con	
Công ty cổ phần bê tông Xuân Mai Miền Nam	Công ty liên kết	
Công ty cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	Công ty liên kết	
Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Sơn An	Công ty liên kết	

b) Các nghiệp vụ phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
b.1) Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai - XMB		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.825.811.025	114.834.921.255
- Mua hàng hóa dịch vụ	93.306.124.624	104.576.473.250
- Mua tài sản cố định	1.151.034.523	
- Chi phí tài chính		
- Doanh thu tài chính		
- Chi phí khác		42.266.498.989
- Thu nhập khác	6.456.758.734	97.628.084.016
- Cổ tức được nhận	1.095.746.083	
b.2) Công ty cổ phần Xuân Mai Đạo Tú - XMD		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	74.407.043.094	74.224.825.190
- Mua hàng hóa dịch vụ	108.636.097.912	139.809.769.356
- Mua tài sản cố định		
- Chi phí tài chính	1.398.590.012	165.990.521
- Doanh thu tài chính		
- Chi phí khác		1.057.411.829
- Thu nhập khác		433.823.974
- Cổ tức được nhận		
b.3) Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai - XME		

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thị Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.905.130.265	22.299.255.236
- Mua hàng hóa dịch vụ	17.963.269.256	75.242.869.367
- Mua tài sản cố định		
- Chi phí tài chính	892.882.670	3.236.063.909
- Doanh thu tài chính		
- Chi phí khác		
- Thu nhập khác		88.971.373
- Cổ tức được nhận		
b.4) Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh BĐS Xuân Mai - XMH		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.658.681.041	
- Mua hàng hóa dịch vụ	4.023.108.700	
- Mua tài sản cố định		
- Chi phí tài chính		
- Doanh thu tài chính		
- Chi phí khác		
- Thu nhập khác	363.636.364	
- Cổ tức được nhận		
b.5) Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai - XML		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	75.967.264.840	32.907.496.202
- Mua hàng hóa dịch vụ	201.805.081.754	125.650.075.211
- Mua tài sản cố định		
- Chi phí tài chính	700.529.537	1.234.503.586
- Doanh thu tài chính	87.909.752	126.116.7
- Chi phí khác		434.524.234
- Thu nhập khác	6.478.470	1.120.743.654
- Cổ tức được nhận		898.000.000
b.6) Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Xuân Mai - XMT		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	719.758.839	2.948.903.411
- Mua hàng hóa dịch vụ	50.408.485.422	43.510.331.434
- Mua tài sản cố định		
- Chi phí tài chính	327.193.754	285.076.881
- Doanh thu tài chính		
- Chi phí khác	4	
- Thu nhập khác		785.436.839
- Cổ tức được nhận		1.911.000.000
b.7) Công ty cổ phần cơ giới vận tải Xuân Mai - XMV		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		148.837.500
- Mua hàng hóa dịch vụ	21.063.006.739	22.842.956.224
- Mua tài sản cố định		
- Chi phí tài chính	1.841.667	
- Doanh thu tài chính		86.695.889
- Chi phí khác		
- Thu nhập khác	2	
- Cổ tức được nhận	1.050.000.000	
b.8) Công ty cổ phần bê tông Xuân Mai Miền Nam		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Mua hàng hóa dịch vụ	11.300.582.677	15.981.467.761
- Doanh thu tài chính		1.897.926.566
b.9) Công ty cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		(101.843.023)
- Doanh thu tài chính		340.055.873
- Thu nhập khác		1.409.721.023
- Cổ tức được nhận		

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thi Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

b.10) Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Sơn An

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.736.276.479
- Mua hàng hóa dịch vụ	68.354.545
- Doanh thu tài chính	6.351.389

c) Công nợ với các bên liên quan**Cuối kỳ****Đầu kỳ****c.1) Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai - XMB**

- Phải thu của khách hàng	8.186.108.291	104.138.052.829
- Người mua trả tiền trước		
- Phải trả người bán	63.869.678.787	67.242.329.934
- Trả trước cho người bán	86.995.178.070	10.149.904.754

c.2) Công ty cổ phần Xuân Mai Đạo Tú - XMD

- Phải thu của khách hàng	44.385.110.526	24.005.291.288
- Người mua trả tiền trước		
- Phải trả người bán	105.215.230.533	39.273.767.219
- Trả trước cho người bán	13.663.804.731	
- Vay ngắn hạn	7.750.000.000	
- Vay dài hạn		

c.3) Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai - XME

- Phải thu của khách hàng	7.954.113.826	21.667.185
- Người mua trả tiền trước		
- Phải trả người bán	3.255.620.147	21.688.028.771
- Trả trước cho người bán	5.303.530.906	54.843.812.159
- Vay ngắn hạn	4.311.235.169	
- Vay dài hạn	78.358.367.032	

c.4) Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh BĐS Xuân Mai - XMH

- Phải thu của khách hàng	888.710.900	
- Người mua trả tiền trước		
- Phải trả người bán	2.381.172.597	
- Trả trước cho người bán		
- Phải thu khác	18.000.000	

c.5) Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai - XML

- Phải thu của khách hàng	30.348.394.203	6.961.056.985
- Người mua trả tiền trước		23.981.229.846
- Phải trả người bán	136.597.502.780	
- Trả trước cho người bán	46.039.596.020	18.473.562.349
- Vay ngắn hạn	3.000.000.000	
- Vay dài hạn		

c.6) Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Xuân Mai - XMT

- Phải thu của khách hàng	2.448.506.466	2.077.398.403
- Người mua trả tiền trước		
- Phải trả người bán	23.147.688.015	1.495.791.312
- Trả trước cho người bán	11.595.141.338	1.138.258.726
- Vay ngắn hạn	2.200.000.000	
- Vay dài hạn		

c.7) Công ty cổ phần cơ giới vận tải Xuân Mai - XMV

- Phải thu của khách hàng		26.753.000
- Phải trả người bán	15.733.531.812	4.818.594.430

c.8) Công ty cổ phần bê tông Xuân Mai Miền Nam

- Phải thu của khách hàng	7.696.617.686	
---------------------------	---------------	--

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thị Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
 Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

- Phải trả người bán	3.560.036.289	2.147.282.118
- Trả trước cho người bán	9.587.987.674	4.022.866.829
- Phải trả khác	40.245.076	
- Đầu tư tài chính ngắn hạn (cho vay)	11.000.000.000	
c.9) Công ty cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng		
- Phải thu của khách hàng	21.370.528.142	21.086.243.904
- Đầu tư tài chính ngắn hạn (cho vay)	500.000.000	
c.10) Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Sơn An		
- Phải thu của khách hàng		
- Người mua trả tiền trước	12.128.768.281	
- Phải trả người bán	75.190.000	
- Trả trước cho người bán		
- Phải thu khác	6.351.389	

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận"(1):.

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong Báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Những thông tin khác:

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Lê Thị Ngọc Diệp

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Mai Văn Định

Hà Nội, ngày 21 tháng 2 năm 2016

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC
Bùi Khắc Sơn

